

Số: 66/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới và 20 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 74/TTr-SNNPTNT ngày 23/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 và Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Bãi bỏ 20 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Lưu: VT, NC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Nữ Thu Hà



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 636 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Xác nhận bảng kê lâm sản	10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 636/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
01	T-GLA-285798-TT	Thủ tục kiểm tra, xác nhận nhập, xuất lâm sản
02		Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.
03		Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.
04		Cấp phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng
05	T-GLA-285789-TT	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng
06	T-GLA-285790-TT	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn
07	T-GLA-285797-TT	Đóng dấu búa kiểm lâm
08		Cấp giấy phép vận chuyển gấu
09	T-GLA-224861-TT	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân
10	T-GLA-224863-TT	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
11	T-GLA-224858-TT	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân
12	T-GLA-285792-TT	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện
13		Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu.
14		Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân
15		Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn
16		Khoán công việc và dịch vụ
17		Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)
18	T-GLA-285795-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
19	T-GLA-285796-TT	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại
20	T-GLA-285794-TT	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường